

VŨ HỒNG THUẬT*
TRẦN CHIỀU PHỤNG**

TÍN NGƯỠNG THỜ HỔ CỦA NGƯỜI VIỆT HIỆN NAY

Tóm tắt: Nhiều nguồn tài liệu cho biết, tín ngưỡng thờ hổ của các dân tộc trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng dựa trên nền tảng của tín ngưỡng tô tem. Bài viết này đề cập đến quan điểm và các dạng thức thờ hổ của người Việt qua không gian tại hạ ban trong di tích thờ Mẫu và điện thờ tại nhà pháp sư, thầy phù thủy. Thờ hổ là một hình thức tiếp biến văn hóa của Đạo giáo phái Chính Nhất đạo sau khi du nhập vào nước ta đã được người Việt cải biến từ một loại hình sùng bái linh vật (tô tem) thành tín ngưỡng dân gian thờ hổ gắn với không gian thiêng, thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú. Đồng thời, hổ vừa mang tính biểu tượng cho sức mạnh, quyền uy, vừa mang yếu tố tâm linh, văn hóa nên việc sùng bái hổ như một vị thần và đến nay vẫn được duy trì thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú.

Từ khóa: Tín ngưỡng, thờ hổ, nghi lễ, ma thuật, người Việt

Mở đầu

Tín ngưỡng thờ hổ của người Việt đã có từ rất xa xưa. Khởi nguyên của nó là tục thờ tô tem của các dân tộc thiểu số. Theo các nhà Dân tộc học, người Việt từ miền núi di cư xuống đồng bằng, trong không gian cư trú, sinh tồn của con người luôn gặp hổ nên thường sợ hãi dẫn đến tôn thờ hổ. Hổ không chỉ được xem là con vật thiêng mà nó còn tượng trưng cho uy quyền, sự dũng mãnh nên người Việt thờ hổ tại các không gian thiêng (đình, chùa, đền, phủ, miếu, điện thờ tư nhân). Từ hình tượng hổ đắp nổi trên bức bình phong tại di tích, lăng mộ, hạ ban trong đền, phủ thờ Mẫu Tam phủ, điện thờ nhà thầy đồng, pháp sư,

* Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Ngày nhận bài: 23/5/2024; Ngày biên tập: 27/5/2024 Duyệt đăng: 02/7/2024.

thầy phù thủy được tạo tác bằng đất, sứ, tranh thờ ngũ hổ Hàng Trống đến hình hổ chạm khắc ván in mộc bản để làm các bùa trấn trạch, trấn giữ long mạch ngôi nhà được hưng vượng, xua đuổi tà ma không cho xâm nhập vào bên trong nhà. Với hình thức thể hiện tục sùng bái thần hổ nêu trên được xem là niềm tin, ngưỡng vọng vào "cái thiêng" [Ngô Đức Thịnh, 2001:16]. Bởi vậy, tục thờ hổ không chỉ thể hiện trong tín ngưỡng dân gian qua các không gian thiêng, mà còn trong cả nghi lễ, ma thuật của Đạo giáo, Phật giáo. Các hình thái tôn giáo, tín ngưỡng thờ hổ được thể hiện với nhiều hình thức, mức độ, niềm tin khác nhau. Bài viết này dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa của tác giả từ năm 1994 đến nay, tại các điểm di tích trên nhiều tỉnh thành và hơn 30 điện thờ của pháp sư, thầy phù thủy.

Trong quá trình nghiên cứu điền dã Dân tộc học, chúng tôi thấy nhiều không gian thiêng có hình đắp/vẽ và có bát hương thờ hổ. Câu hỏi nghiên cứu mang tính giả thiết là hổ có vai trò và công năng xã hội như thế nào mà được người Việt từ xưa tới nay tôn thờ? Phải chăng người Việt sợ hổ? Hổ có một sức mạnh tâm linh gắn với ma thuật mang lại lợi ích hay gây hại cho con người? Để lý giải các câu hỏi nghiên cứu này, ngoài phương pháp nghiên cứu liên ngành khoa học xã hội mà trọng tâm là ngành Dân tộc học theo phương pháp "ba cùng", đồng thời, tôi còn sử dụng kỹ năng "chân trong, chân ngoài". "Chân trong" với tư cách là một nhà nghiên cứu nhân học văn hóa để lý giải các hiện tượng tín ngưỡng thờ hổ theo quan điểm khoa học; "chân ngoài" với tư cách là một pháp sư, thầy cúng chuyên thực hành nghi lễ làm bùa, giải bùa có liên quan đến thần hổ, từ đó, tôi có cách nhìn đa chiều để lý giải tín ngưỡng thờ hổ của người Việt hiện nay.

Về tín ngưỡng dân gian của người Việt đã có nhiều người quan tâm, nhưng nghiên cứu về hổ dưới góc nhìn văn hóa, văn hóa dân gian, ngôn ngữ... thì mới chỉ có vài tác giả đề cập trên các trang báo địa phương, tạp chí chuyên ngành. Bài viết "*Năm Dân nói chuyện con hổ trong văn hóa dân gian*" của tác giả Minh Hiệp đăng trên trang Điện tử Thành phố Hồ Chí Minh, lý giải con cọp (hổ) tượng trưng của sức mạnh, với hình ảnh có thể vượt qua nhiều thử thách, cho nên người ta kính trọng và cũng sợ nó, nên nảy sinh tín ngưỡng thờ cúng cọp [Minh

Hiệp, 2022]. Nguyễn Thanh Lợi với bài viết “*Cọp trong đời sống văn hóa dân gian Nam Bộ*”, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển (số 1/2010) chủ yếu đề cập đến môi trường sinh thái vùng Nam Bộ khi mới khai phá vùng đất này, danh xưng tên gọi các loài cọp và giải thích, vì sợ cọp nên người Việt ở Nam Bộ đã tôn thờ nó [Nguyễn Thanh Lợi, 2010]. Bài viết “*Sự tích thờ thần hổ của người Việt*”, tiếp cận dưới góc độ Dân tộc học đăng trên Nội san Văn nghệ Dân tộc & Miền núi (số 2/1998) lý giải hiện tượng thờ cúng hổ bắt nguồn từ tín ngưỡng tô tem tôn thờ một loại động vật hung dữ [Vũ Hồng Thuật, 1998:21]. Tác giả Nguyễn Thị Thanh Mai - Phùng Vương Khánh Yên với tiêu đề “*Bước đầu tìm hiểu về việc phụng thờ thần hổ trong điện thờ đạo Mẫu Việt Nam*” (qua khảo sát một số điện thờ ở miền Bắc Việt Nam) trên cổng Thông tin thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, chủ yếu miêu tả bề ngoài của hình thức thờ cúng thần hổ ở hạ ban điện thờ gắn với không gian tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ và nghi lễ hầu đồng [Nguyễn Thị Thanh Mai - Phùng Vương Khánh Yên, 2012]. Với các nguồn tư liệu nêu trên, tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau xung quanh hổ và đây là nguồn tư liệu quý để chúng tôi tham khảo. Bài viết này, ngoài việc lý giải các hiện tượng về tên gọi, không gian thờ cúng hổ, còn đề cập đến cách thức thực hành nghi lễ thờ hổ gắn với nghi lễ, ma thuật, bùa chú của pháp sư, thầy phù thủy dưới góc độ Nhân học tôn giáo để lý giải hiện tượng tín ngưỡng thờ thần hổ trong không gian thiêng thờ Mẫu Tam phủ có điểm khác biệt với ban thờ hổ nhà pháp sư, thầy phù thủy thông qua cách bài trí hổ, pháp khí, nuôi âm binh, thực hiện nghi lễ “luyện sai thần hổ” mang tính ma thuật.

1. Tên gọi và nguồn gốc thờ hổ

Tên gọi hổ hay thần hổ là của các nhà nghiên cứu tự đặt cho; với dân gian, mỗi vùng miền, tộc người có cách gọi khác nhau. Danh xưng cao nhất và phổ biến hơn cả gọi là “Ông Hổ”, “Thần Hổ”, “Ông Ba Mười”, “Ông Năm Dinh”, “Ngài”, “Khái”, “Ông Cọp”,... [Vũ Hồng Thuật, 1998: 21]. Với người Việt ở Nam Bộ thường gọi hổ với tên gắn liền với thánh thần, như: “Sơn quân chi thần”, “Sơn quân chúa xứ”, “Sơn quân mãnh hổ”, “Sơn lâm chúa tể”, “Sơn lâm chúa xứ”, “Sơn lâm đại tướng quân”, “Sơn quân chúa động”, “Chúa xứ sơn

lâm”, “Mãnh hổ”, “Thần hổ”, “Ông Thầy”, “Ông Cả”, “Ông Ba Mươi”, “Hương quán”,... [Nguyễn Phương Thảo, 1998: 44], [Nguyễn Thanh Lợi, 2010: 5]... Kết quả phỏng vấn sâu tại các chuyến nghiên cứu điền dã, chúng tôi thấy mỗi địa phương, vùng miền, tộc người với các tên gọi về hổ nó mang ý nghĩa khác nhau, bởi phụ thuộc vào phong tục của mỗi tộc người ở địa phương ấy. Trong bài viết của tác giả Nguyễn Thị Thanh Mai - Phùng Vương Khánh Yên giải thích: tên gọi “hổ” làm người ta liên tưởng đến sự hùng hổ, mạnh mẽ, hung ác; tên “cọp” khiến người gọi hình dung ra động tác ngoạm, cắn xé của các loài thú dữ; tên “hùm” biểu thị tiếng gầm dữ dội nhằm đe dọa đối phương [Nguyễn Thị Thanh Mai - Phùng Vương Khánh Yên, 2012]. Trái lại với người dân, họ thường “kiêng kỵ” không dám gọi hổ, sợ hổ đến gây họa cho con người, vật nuôi nên mới phải gọi hổ sang một tên khác, vừa thể hiện sợ hổ vừa sùng kính hổ, ông Lê Văn Nam (Hà Tĩnh) chia sẻ. Dưới góc nhìn văn hóa dân gian, ý nghĩa, nguồn gốc tên gọi hổ mang nhiều màu sắc văn hóa dân gian rất đa dạng. Điều này cũng đồng thuận, đa dạng văn hóa “là một nguồn trao đổi, cải tiến và sáng tạo, sự đa dạng văn hóa đối với nhân loại cũng cần thiết như sự đa dạng sinh học trong trật tự cơ thể sống vậy. Với ý nghĩa đó, đa dạng văn hóa là di sản chung của nhân loại và phải được thừa nhận và khẳng định vì lợi ích của các thế hệ ngày nay và mai sau” [Nguyễn Thị Phương Châm, 2021: 9]. Về danh xưng và ý nghĩa tên gọi thần hổ nêu trên chúng tôi không có bàn luận về sự đúng hay sai, vì mỗi ngành khoa học có cách tiếp cận nghiên cứu và giải quyết vấn đề khác nhau. Tuy nhiên, đều có chung một quan niệm, hổ tượng trưng cho sức mạnh, vượt qua mọi thử thách nên người ta kính trọng nó được thể hiện qua các tác phẩm nghệ thuật tranh dân gian, thơ ca, truyện ngụ ngôn, ca dao và cũng vì sợ hổ nên mới thờ hổ [Minh Hiệp, 2022].

Trong văn hóa của người Việt, hình tượng hổ được thể hiện trên cả hai bình diện văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần thông qua thực hành nghi lễ và ma thuật để tạo nên các giá trị văn hóa từ tín ngưỡng thờ hổ. Bởi vậy, người ta dành cho hổ những nghi lễ, tục lệ rất đặc biệt, được cộng đồng thực hiện, gìn giữ và lưu truyền theo lịch sử. Có thể nói rằng, nghi lễ là một bộ phận quan trọng của văn hóa truyền thống [Nguyễn

Ngọc Thơ, 2020:3], trong đó có tín ngưỡng thờ hổ của người Việt. Có nhiều truyền thuyết dân gian nói về hổ dữ gây hại cho con người [Vũ Hồng Thuật, 1998; Nguyễn Phương Thảo, 1998; Nguyễn Thanh Lợi, 2010], nhưng bên cạnh đó, hổ cũng cứu giúp và lắng nghe con người. Từ đó, hổ và người có mối quan hệ về mặt tín ngưỡng, sùng bái, kiêng kỵ liên quan đến tên gọi hổ. Khởi điểm là một con vật hung dữ, gây sự khiếp đảm với các loài động vật và con người nên người dân châu Á đã tôn hổ lên vị trí “Chúa tể” của núi rừng và coi hổ là con vật thiêng, tượng trưng cho sự uy linh, trấn giữ ngũ phương, trừ tà, sát quỷ mang lại sự bình an, may mắn cho cộng đồng [Bảo Linh, 2022]. Như vậy, hổ đã trở thành một hiện tượng văn hóa không chỉ có ở Việt Nam, mà còn cả các quốc gia châu Á và Đông Nam Á cùng có tín ngưỡng thờ hổ. Dưới góc nhìn Nhân học, hình tượng hổ xuất hiện hầu hết trong các thể loại truyện dân gian, từ cổ tích đến truyện cười, từ thần thoại đến ngụ ngôn; từ loài thú dữ đến vị thần chở che, bảo vệ con người, nên hổ được bầu làm “Hương Cầm”, “Chúa sơn lâm” và được cộng đồng lập miếu, đình thờ trong và ngoài di tích [Nguyễn Phương Thảo, 1998: 44].

Tại xã Sơn Kim (Hương Sơn, Hà Tĩnh) một pháp sư cho biết: Vùng Con Cuông (Nghệ An) có một tiểu phu chuyên làm nghề chở người qua sông và đơm đó bắt cá trên thượng nguồn sông Lam. Vùng đất này nổi tiếng có nhiều hổ thường bắt người ăn thịt tại các bến đò ven sông, trong đó có thân phụ của người lái đò. Lần khác ông lão chở đò đi đò đó trên sông. Hổ chờ ông lão đến gần liền nhảy xuống bè bắt ngư ông. Nào ngờ bè nửa bị choãi ra, một chân sau của hổ bị kẹp, càng giãy càng đau và bị kẹp đứt hai hòn dái, hổ kêu gầm, náo loạn cả khu rừng, muông thú đều hoảng sợ chạy xa. Ông lão bình tĩnh, một tay cầm dao, một tay cầm bó đuốc tiến lại gần nơi hổ gặp nạn và nói: “Ngài” dòng dõi trên thượng giới xuống hạ giới sinh sống sao nỡ bắt đồng loại và con người để ăn thịt. Tôi sẽ cứu “Ngài” thoát nạn lần này để trở về rừng xanh, từ nay trở đi không được bắt người ăn thịt nữa. Nói xong, ông lão cầm dao chặt đứt dây buộc trên bè nửa cho hổ rút chân ra để thoát nạn. Một thời gian sau, hổ trở lại ven sông, thấy người thả đó bắt cá đã nhảy xuống bè bắt người ăn thịt. Khi kéo xác lên bờ, hổ nhận ra là người đã cứu mình trước đây. Hổ hồi hận kêu gào ầm ĩ cả khu rừng. Sáng mai dân làng vào rừng thấy xác ông lão

chờ đò có đầy vết cào xước, họ cho rằng bị hổ vồ nên đã chôn cất ông ở ngay cửa rừng và tôn xưng ông làm “Sơn thần thổ địa”. Cứ đêm đến, con hổ ấy lại về nằm phủ phục bên mộ gào khóc cạn cả nước mắt và chết hóa thành đá ở ngay bên mộ. Từ đó, các loài muông thú không đến phá hoại nương rẫy, ruộng vườn, cuộc sống người dân được ấm no hạnh phúc, bình an. Sau dần, hổ cũng được dân làng thờ cúng như ông già và trở thành “sơn thần” cai quản rừng núi. Bởi vậy, người Việt có tục đắp hình ông hổ trên bức bình phong trấn trước các di tích, lăng mộ là mang ý nghĩa thần hổ canh giữ ma quỷ, thú dữ không đến phá hoại [Vũ Hồng Thuật, 1998: 21]. Nhất là, ở vùng Trung Bộ, Nam Bộ có nhiều truyền thuyết về hổ hơn cả. Tiêu biểu là tên gọi “Ông Ba Mươi” gắn với câu truyện của đoàn quân vua Gia Long ở ẩn trong rừng, hết lương thực, may mắn được hổ tiếp tế thịt thú rừng. Để tỏ lòng biết ơn hổ, vua Gia Long cho lập miếu thờ và ra lệnh, nếu ai lỡ tay giết hổ bị phạt 30 trượng hoặc bắt sống hổ sẽ phạt 30 quan tiền. Vì vậy, hổ còn gọi là “Ông Ba Mươi” [Nguyễn Thị Thanh Mai- Phùng Vương Khánh Yên, 2012]. Có thể thấy rằng, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã chính thức hóa công nhận từ một tín ngưỡng thờ tô tem về một loài linh vật đã trở thành phong tục dân gian thờ hổ của người Việt rất đặc sắc. Từ các nguồn tư liệu thứ cấp và điều tra nghiên cứu thực địa, phỏng vấn sâu tại cộng đồng, chúng tôi thấy trước là tín ngưỡng thờ hổ bắt nguồn từ *tín tục tô tem* của một số tộc người, dòng họ. Cách giải thích nguyên sơ cho rằng, con người được sinh ra từ một loài động vật nào đó và tôn sùng con vật là vật tổ đã được cộng đồng chấp nhận. Ở nước ta, có một số dân tộc thiểu số (người Thái (Tây Bắc), Khơ Mú (Nghệ An), Lào (Hà Tĩnh), Cor (Quảng Ngãi), Tà Ôi (Thừa Thiên Huế), Khmer (các tỉnh Nam Bộ), ... có tục coi hổ là *vật tổ*, được tôn thờ, thờ cúng trong không gian thiêng của cộng đồng và dòng họ. Đây cũng là lý do để hổ trở thành vị thần được tôn sùng và thờ cúng trong đời sống tâm linh của nhiều dân tộc ở Việt Nam [Nguyễn Thị Thanh Mai - Phùng Vương Khánh Yên, 2012], trong đó có người Việt. Có thể thấy, hình tượng hổ đã đi vào trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của người Việt rất sâu đậm gắn với nghi lễ, ma thuật, bùa chú trong thực hành tôn giáo, tín ngưỡng.

2. Các không gian thờ hổ của người Việt

2.1. Tại di tích

Di tích được xem là không gian thiêng, không chỉ để thờ các thần linh, thánh thần mà còn trang trí hổ mang ý nghĩa tạo tính mỹ thuật, sự linh thiêng. Trên bức bình phong ở trước sân di tích thường đắp nổi hình hoàng hổ (hổ vàng) mang chức năng trang trí và tâm linh. Trong quan niệm của người Việt, bình phong vừa mang giá trị mỹ thuật trong không gian thiêng của di tích vừa có giá trị văn hóa tín ngưỡng là che chắn, bình ổn, ngăn chặn những điềm không tốt do gió hoặc khí xấu tác động trực diện tới bên trong nơi thờ cúng hoặc gây hại cho con người [Đặng Mai Anh 2022:15]. Bởi vậy, trên bình phong, người ta thường vẽ phong cảnh núi non cùng với hình hoàng hổ trong tư thế lên/xuống núi. Pháp sư Nguyễn (Hà Nội) cho biết: “Hổ là vị thần giám sát ở trần gian nên thường an vị tại phía ngoài của di tích để ngăn ngừa tà ma, quỷ quái không cho vào bên trong làm ảnh hưởng đến thần linh nơi thờ cúng” (Pvs, nam, 51 tuổi, pháp sư, phủ Tây Hồ, Hà Nội, ngày 12/8/2020).

Quan sát tại chùa Hà (Cầu Giấy, Hà Nội), hổ vàng đắp nổi trên bức tường bên phải tam quan, liền kề khu nghĩa trang phùng Dịch Vọng. Theo giải thích của ông Trưởng Ban quản lý di tích chùa Hà: Hổ đặt ở vị trí tam quan chùa, vừa ngăn ngừa để trấn giữ vong linh ngoài khu nghĩa trang và đài tưởng niệm liệt sĩ của phùng ở phía trước cổng chùa; đồng thời, ngăn ngừa năm hướng xấu của ngã 5 “đâm vào” chùa, đình, nên hổ vàng an vị ở vị trí này có công năng trấn giữ cho di tích được hưng vượng. Bên dưới “ông hổ” thường đặt bát hương, khách thập phương đến thắp hương, khẩn cầu (Pvs, nam, 70 tuổi, Ban quản lý di tích đình-chùa Hà, tại chùa Hà, ngày 30/2/2022). Quan sát thực địa chúng tôi thấy, những nơi có bát hương thờ hổ ở bên ngoài di tích, chủ yếu người quản tự thắp hương cúng thần hổ vào buổi sáng và chiều tối. Với người dân đi lễ thường thắp hương thần hổ tại *hạ ban* trong điện mẫu, ông Trần chia sẻ: “Tam quan chùa Hà nằm sát đường phố và trước chùa có vòng xuyên với năm con phố giao nhau nên người, xe cộ đi lại đông đúc nên Phòng Văn hóa quận Cầu Giấy yêu cầu Ban quản lý di tích đình - chùa Hà không để người dân thắp

hương thờ hồ ở cổng tam quan chùa, khói hương tỏa ra, gây cản trở cho người đi lại và mất an toàn giao thông” (Pvs, nam, 73 tuổi, Ban quản lý di tích đình- chùa Hà, tại chùa Hà, ngày 30/2/2022) . Tuy nhiên, vào dịp Tết Nguyên đán, ngày sóc - vọng hàng tháng, những người đến lễ muôn, Ban Quản lý di tích đã đóng cửa (sau 19h tối), họ thường thắp hương ở bát hương thờ Phật Thánh, trời đất, thần hồ ở trước cổng chùa thể hiện lòng thành kính với Phật thánh, thần hồ với ước vọng mọi điều tốt lành đến với bản thân, gia đình. Ngoài ra, không chỉ chùa Hà mới có bức phù điêu hoàng hồ ở tam quan chùa mà cũng có nhiều chùa, đình, đền, phủ, miếu trên cả nước không có được phong thủy tốt hay đất nơi thờ tự thuộc “đất dữ” đều có đắp/vẽ hình ngũ hồ hoặc Hoàng hồ. Pháp sư Trần giải thích: “Nếu trên bức bình phong đắp nổi hình hoàng hồ nó mang ý nghĩa trấn giữ cho di tích được linh thiêng về mặt tâm linh; nếu đắp ngũ hồ thì mang ý nghĩa trấn giữ các phương hướng” (Pvs, nam, 59 tuổi, pháp sư, 799, phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, ngày 1/10/2022). Điều này cũng đồng thuận, tín ngưỡng thờ ngũ hồ gắn liền với ngũ hành, có nguồn gốc từ Trung Hoa du nhập vào nước ta. Ngoài ý nghĩa thờ cúng các vị thần ở năm phương: Đông - Tây - Nam - Bắc - Trung ương, người Việt còn mang thêm ý nghĩa của năm phương cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, người an, vật thịnh, mọi sự phát triển, sinh sôi, nảy nở [Vũ Hồng Thuật, 2013b].

Đặc biệt, các tỉnh Nam Bộ, hồ còn được thờ bên trong đình, đền, miếu thờ thần Thổ địa, hồ mang chức năng là *giám hộ các vị thần*. Người Việt ở Nam Bộ tôn xưng hồ là “Ông Cả Cọp”, “Hương quản”, “Đại Hương cả”,... với tư cách như một *nhân thần*. Người dân phương Nam vào những ngày đầu khai phá vùng đất này có diệt hồ nhưng vẫn phải tôn thờ. Bởi vậy, các đình làng, chùa, miếu ở Nam Bộ đều có ban thờ thần hồ [Nguyễn Thanh Lợi, 2010: 5]. Nghiên cứu điền dã cho thấy, ở đình Tân Định (ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau) thờ Thành hoàng bản cảnh là "ông cọp". Tác giả Nông Huyền Sơn đã khái quát bối cảnh vùng đất Nam Bộ xưa kia có rất nhiều hồ. Tương truyền, vùng đất này vào thế kỷ XVIII có rất nhiều hồ dữ, thường xuyên về áp bắt trâu, bò, lợn và người. Truyện kể rằng, một hôm nhà sư có tên là Nguyễn Văn Vinh, trên đường đi giáo hóa

Phật Pháp đi qua áp Tân Định thì bị cọp đến chặn đường. Nhà sư bình tĩnh ngồi xuống, nhắm mắt, chấp tay và nói: Ta đang trên đường đi giáo hóa Phật Pháp. Nếu có tính linh thì tha mạng. Khi xong chuyến giáo hóa, ta trở về đây sẽ nạp mạng cho “Ngài”. Không ngờ cọp bỏ đi và không đến nữa. Nghĩ rằng, cọp đã quy y Phật Pháp, dân thôn lập miếu thờ cọp [Nông Huyền Sơn, 2022]. Ngoài ra, người dân còn cho biết, mỗi khi diệt được hổ, cộng đồng đều tổ chức ăn mừng hay lập đình, miếu thờ thần hổ với nhiều danh xưng khác nhau là để thể hiện sự tôn kính với loài thú dữ này. Pháp sư Quyên chia sẻ: “Các đình làng ở Nam Bộ phần nhiều có miếu thờ hoàng hổ ở phía trái sân đình, với chức năng là giám hộ Thành hoàng bản xứ. Đồng thời, người dân cũng quan niệm, hổ trắng được xem là đã tu thành tiên, không ăn thịt, hại người nên cộng đồng cũng thờ bạch hổ để trấn giữ, tà ma quỷ quái không xâm phạm vào đình, áp, gây họa cho dân” (Pvs nam, 54 tuổi, pháp sư- phù thủy, Linh Quang Bảo Điện, 372b/hẻm 184, đường Bùi Văn Hòa, phường Long Bình Tây, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ngày 22/10/2018).

Bên cạnh không gian thiêng thờ thần hổ trên phạm vi cả nước mà người Việt còn thể hiện màu sắc của “năm ông hổ” tượng trưng cho Ngũ Hành - biểu tượng của vũ trụ tương sinh, tương khắc, mang ý nghĩa đề cao tính uy lực của thiên nhiên gắn với uy lực trấn giữ phương hướng của các Ngài. Với năm màu sắc: trắng, vàng, đen/xám, xanh, đỏ đã tạo nên thần thái uy phong, nổi bật trong bố cục khuôn hình của bức tranh “Ngũ hổ” của dòng tranh dân gian Hàng Trống hay nghệ thuật tạo tượng thổ/đất của những người thực hành dòng đạo phù thủy dân gian ở các tỉnh phía Bắc. Cả hai dòng nghệ thuật này, người Việt tiếp nhận thần hổ trong không gian di tích đình, chùa, đền, miếu mang công năng vừa trang trí vừa trấn giữ phương hướng và không gian thờ cúng mang tính tâm linh, như điện mẫu, tĩnh thờ với chức năng nghi lễ và ma thuật.

2.2. Tín ngưỡng thờ hổ trong điện Mẫu

Trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, hổ được phối thờ với chức năng là vị thần giám hộ công đồng Phật Thánh. Trong đền, phủ, hầu hết (100%) đều có ban thờ thần hổ được bài trí thờ *hạ ban* tại gian thờ

công đồng (nơi thờ chính) và hạ ban của ban thờ Chúa Sơn Trang (Thượng Ngàn công chúa), tiêu biểu là ở Phủ Tây Hồ, đền Dàm, đền Lộ, đền Gènh (Hà Nội); đền Bắc Lệ, đền Mẫu Đổng Đãng (Lạng Sơn), đền Cốc Lâm, Nguyệt Hồ, Chúa Then (Bắc Giang), đền Cây Quế, phủ Dầy, phủ Quảng Cung (Nam Định); đền Linh Sơn (bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng),... với danh xưng như Quan ngũ hổ, quan ngũ dinh, quan hạ ban. Tượng thần hổ được làm bằng đất sét nhào giấy dó, mùn cưa, mật mía hòa với nước vôi trong rồi nhào nặn thành hình năm ông hổ hay chất liệu bằng đá, gỗ, gốm sứ, giấy (tranh ngũ hổ Hàng Trống) ở thế đứng hoặc nằm với dáng vẻ uy nghi, dũng mãnh của vị “chúa sơn lâm”. Để ngũ hổ (năm “ông hổ”) có tính thiêng về sức mạnh tâm linh và trở thành thần giám sát, trấn giữ năm phương (Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung ương (giữa)), người ta phải làm thiêng ngũ hổ trước khi đưa vào thờ. Với năm “ông hổ” được làm bằng đất sét, khi nặn/đắp hình hổ, người thợ tạo ra một lỗ nhỏ, hình vuông, vị trí dưới bụng để yểm tâm (thần vị, thất bảo) vào bên trong bụng hổ; với hổ chất liệu là sành sứ, thân rỗng, người ta cho đồ yểm tâm vào miệng sẽ rơi xuống bụng hổ; với tranh thờ ngũ hổ Hàng Trống và tranh khắc mộc bản hình hoàng hổ hay ngũ hổ, do tạo hình hổ trên mặt phẳng nên không có chỗ để “yểm tâm”. Cho dù “ông hổ” làm bằng đất, sành sứ, giấy/tranh thì trước khi thờ đều phải làm thiêng bằng cách: lấy tám vải đỏ phủ kín hình các “ông hổ” sau đó dán câu niệm chú viết bằng chữ phạn (Úm ma ni bát minh hồng) lên tám vải đỏ. Theo phong tục, người phủ vải đỏ lên hình các “ông hổ” phải là thầy cúng, pháp sư đã trải qua lễ cấp sắc; gia đình không có tang, vợ chồng song toàn... Nghi lễ làm thiêng hổ giống như lễ “hô thần nhập tượng”. Tuy nhiên, lễ “hô thần nhập tượng” chỉ cần chọn ngày lành tháng tốt của người trụ trì, thờ cúng; với lễ “hô hổ nhập hình” thường chỉ làm vào giờ Tý (từ 11 giờ-1 giờ đêm) ngày Dần, tháng Dần (tháng Giêng) trong năm. Hiện nay, nhiều đền, phủ của cộng đồng và điện thờ tư nhân, khi làm thiêng tượng thờ, đồ thờ, họ làm lễ “hô hổ nhập hình” vừa giảm được thời gian, kinh phí, vừa an tâm thờ tự. Điều này, cũng có sự tương đồng theo quan điểm của Malinowski nhận định, “Những hành động và lễ tiết đó thường được gắn liền với niềm tin vào các sức mạnh siêu nhiên, đặc biệt, những sức mạnh có tính ma thuật hoặc các ý niệm về sinh vật, thần

linh, ma quỷ, tổ tiên hay thánh thần” [Malinowski, 2006: 147]. Những thực hành nghi lễ mang tính ma thuật gắn với tín ngưỡng thờ hồ được Đạo giáo quy định rất chặt chẽ cho từng đối tượng thờ cúng, chứ không phải tất cả những người thực hành nghi lễ (làm thầy) đều có thể thực hiện lễ “hô hồ nhập hình” và “hô thần nhập tượng”. Pháp sư Nguyễn chia sẻ: “Nhà sư làm lễ “hô thần nhập tượng” cho cả tượng Phật, tượng Thánh Mẫu. Lễ “hô hồ nhập hình” thì nhà chùa không làm lễ, vì hồ là vật cưỡi của Trương Đạo Lãng, là tổ sư Đạo giáo mà nhà sư chỉ tôn thờ Phật Thánh, không tôn thờ linh vật là “ông hồ” hay “ông lột”- rắn. Với pháp sư thì được phép làm lễ “hô thần nhập tượng” cho cả các vị thánh của đạo Tứ phủ, “ông hồ”, “ông lột”, vì họ thực hành nghi lễ gắn với vu thuật, ma thuật, luyện sai thần hồ. Mục đích của buổi lễ “hô hồ nhập hình” là biến hình các “ông hồ” từ chất liệu bình thường thành thần hồ có sức mạnh về tâm linh, tạo ra tính thiêng trong thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú, cầu đảo đạt được mục đích của người thờ hồ” (Pvs, nam, 55 tuổi, pháp sư- ông đồng, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, ngày 25/6/2022). Pháp sư Ngô tâm sự: “Theo sư tổ truyền dạy cho tôi, không phải ai cũng được phép cúng khoa “Luyện sai thần hồ” (điều khiển năm ông hồ đi làm nhiệm vụ nào đó về mặt tâm linh) mà chỉ có người thuộc “căn cao số nặng” là nam giới và “sát căn” nhà Trần, “Sơn lâm sơn trang” và đã được cấp sắc nuôi âm binh, âm tướng, thiên tướng, thần hồ thì mới được cúng “Luyện sai thần hồ”. Thầy đồng là nữ giới không được phép cúng, dù cho họ có theo môn phái thờ nhà Trần, thực hiện nghi lễ “xiên lèn”, dùng dao rạch lưỡi lấy “dấu mặn” thì cũng không được cúng “Luyện sai thần hồ”. Nếu cúng, các “vị thần hồ” sẽ “vật” cho họ ốm đau, thậm chí cơ hành cho bị điên dại. Bởi vậy, nhiều người là thủ nhang, đồng đền là nữ hay nam chưa được cấp sắc làm pháp sư thì họ không dám cúng “luyện sai thần hồ” mà phải mời các thầy pháp có phép thuật tới làm lễ. Hàng ngày họ chỉ thắp hương, dâng lễ vật, khấn cầu thì không bị sao cả” (Pvs, nam, 56 tuổi, pháp sư, làng Chóa, xã Lạc Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, ngày 28/6/2022).

Ban thờ thần hồ trong các di tích thờ Mẫu, người ta có thể an vị một vị hoàng hồ hoặc thờ cả năm “ông hồ” không chỉ mang ý nghĩa tượng trưng cho ngũ hành theo quan niệm tương sinh - tương khắc,

mọi vật sẽ sinh sôi, phát triển, người an, vật thịnh mà các “ông hồ” còn có chức năng trấn giữ các phương hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung ương. Khi pháp sư thực hiện nghi lễ “Luyện sai thần hồ” thường tán canh đọc như sau:.... “Trấn phương Đông sai quan Thanh hồ (hồ xanh)/Trúc mộc tinh lưới bùa ghê thay; Bạch hồ (hồ trắng) sai trấn phương Tây/Khu trừ kim khí ghê thay lạ thường; Xích hồ (hồ đỏ) sai trấn Nam phương/Ty, Ngọ trúc hỏa tinh đem bỏ ngục trung; Bắc phương Hắc hồ (hồ xám/đen) oai hùng/Thu loài thủy khí hiện hung gia hình; Trung ương cung quan hoàng hồ (hồ vàng)/ Lệnh bài sai phá hồ thạch tinh...”¹. Theo pháp sư Quyền, trong ngũ hồ, “Hoàng hồ tướng quân” giữ vai trò chính, lúc ẩn, lúc hiện trấn giữ cửa điện và điều lệnh Xích hồ, Bạch hồ, Hắc hồ, Thanh hồ trấn giữ tứ phương (Đông- Tây- Nam- Bắc) (Pvs nam, 54 tuổi, pháp sư- phù thủy, Linh Quang Bảo Điện, 372b/hèm 184, đường Bùi Văn Hòa, phường Long Bình Tây, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ngày 22/10/2018).

Trước ban thờ thần hồ, đặt bát hương, bên trong có cốt bát hương (gọi là thần vị), ghi bằng chữ Hán. Lễ vật dâng cúng truyền thống cho thần hồ là năm miếng thịt lợn, năm quả trứng gà/vịt sống; một đĩa muối - gạo, một chốc nước, một chai rượu trắng, tiền vàng, hương, nến/dèn dầu và không thể thiếu miếng thịt lợn. Có ý kiến cho rằng, “thịt lợn/heo sống là món ăn khoái khẩu của hồ” [Nguyễn Thanh Lợi, 2010:5]. Ngày nay, người đi lễ không biết, còn dâng cả bánh trái, hoa quả, thịt quay, giò lụa cho thần hồ. Việc thờ cúng thần hồ không có ngày lễ riêng giống như các vị thánh trong Tứ phủ mà đan xen trong các ngày lễ trọng: mùng một và mười lăm hàng tháng, các ngày lễ tết trong năm và hai ngày đại tiệc vào dịp “Tháng Tám giỗ Cha” (ngày 20/8 âm lịch kỵ nhật Đức Thánh Trần) và “Tháng Ba giỗ Mẹ” (húy nhật mùng 3/3 âm lịch, ân đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh); các đàn lễ đại trong lễ trình đồng mở phủ của đồng thầy cho đệ tử thì mới có lễ cúng “Luyện sai thần hồ”. Ngoài hiện tượng thờ cúng thần hồ ở *hạ ban* trong điện Mẫu, còn có lễ nhập đồng liên quan đến giá hầu “ông hồ”. Giá hầu này theo trình tự là hầu cuối đàn lễ để “khép đàn”. Thông thường giá hầu “ông hồ” ít có người hầu; chỉ ai thuộc “căn cao số nặng” thì mới nhập đồng. Khi nhập đồng, người hầu nằm phủ phục và sau khi tung khăn, “ông hồ” bò, nhảy bằng tứ chi (hai tay, hai chân),

ngậm hương để ngang miệng và “chúng lễ” bằng cách ngậm trúng sống, ăn thịt sống, gạo sống; uống nước, uống rượu bằng lưỡi. Có thể nhận diện, nghi lễ nhập đồng thần hổ là phản ánh dấu vết thờ *tô tem* trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt mang đậm màu sắc nghi lễ và ma thuật. Điều này cũng đồng quan điểm, “Đó là *tính tương đồng* giữa hành vi vì được thực hiện và diễn biến được trông đợi. Frazer gọi kiểu ma thuật đó là phép mô phỏng hay là *liệu pháp tương đồng* [Sigmund Freud, 2006:129], tức tái hiện lại “ông hổ” đang di chuyển trong quá trình săn mồi thông qua giá hầu, những người theo tín ngưỡng thờ Mẫu gọi là “ông óp” hay “ông nhập đồng”.

2.3. Tín ngưỡng thờ hổ tại điện thờ nhà pháp sư, thầy phù thủy

Tín ngưỡng thờ hổ có một vị trí hết sức đặc biệt với các pháp sư, thầy phù thủy. Ban thờ hổ tại điện thờ hay tĩnh thờ tại nhà của họ có những điểm tương đồng và khác biệt với ban thờ hổ trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt. *Sự tương đồng*, không gian thờ hổ đều ở dưới *hạ ban* của ban cộng đồng; có hình ngũ hổ hoặc hoàng hổ đã được “thiên hóa”, có bát hương và lễ vật dâng cúng đều là đồ sống và thấp hương, nên hàng ngày. *Sự khác biệt*, điện thờ thần hổ của pháp sư, thầy phù thủy cụ thể như sau:

Thứ nhất, phía trước ban thờ thần hổ thường treo tấm vải đỏ. Theo giải thích của pháp sư Nguyễn, “Mảnh vải đỏ có hai chức năng. *Một là*, che chắn để người ngoài không nhìn thấy các thần hổ, pháp khí, lễ vật ở bên trong điện thờ. *Hai là*, điểm đánh dấu ngăn cấm tà ma quỷ quái bên ngoài không xâm phạm vào bên trong điện thờ vì ở vị trí ban thờ *hạ ban*, các pháp sư, thầy phù thủy thường có “nuôi âm binh, âm tướng” ở bên trong nồi gốm. Nếu ma quỷ bên ngoài vào bên trong sẽ đánh nhau với “âm binh, âm tướng” đang nuôi trong điện thờ, gây rối loạn về mặt tâm linh và gây ra nhiều trở ngại cho gia đình, như: gia súc, gia cầm đang nuôi bỗng nhiên bị chết hay bị dịch bệnh; trẻ nhỏ bị ốm đau bất thường và hay quấy khóc vào ban đêm, nằm ngủ thường giật mình; người lớn đi lại ngoài đường bị tai nạn...(Pvs, nam, 55, pháp sư- ông đồng, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, ngày 25/6/2022). Từ kết quả phỏng vấn sâu các pháp sư cho biết, trong mảnh vải đỏ có chất hoàng huỳnh nên ma quỷ sợ. Bởi

vậy, bùa trấn trạch thường được vẽ hay dùng vá in mộc bản in trên vải, giấy màu đỏ, vàng có tác dụng ngăn ngừa ma quỷ không vào bên trong ngôi nhà, tượng pháp trong lễ “hồ thần nhập tượng” [Vũ Hồng Thuật, 2008:229].

Thứ hai, vị trí an trấn ngũ hổ trong điện thờ nhà pháp sư, thầy phù thủy mang tính “bí truyền”, không mang tính công khai (lộ) như ở ban thờ hổ tại các di tích của tín ngưỡng thờ mẫu Tam phủ. Bên cạnh sự “bí truyền” của nó còn thể hiện vào “căn mệnh” cao hay thấp của pháp sư, thầy phù thủy ấy mà họ sẽ được nuôi với số lượng bao nhiêu âm binh, âm tướng gắn với tập tục thờ hổ để thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú... Quan sát hạ ban thờ hổ, thông thường Hoàng hổ an vị ở giữa/trung ương; Thanh hổ trấn phương Đông, Bạch hổ trấn phương Tây, Xích hổ trấn phương Nam, Hắc hổ trấn phương Bắc. Cách trấn này thường thấy ở ban thờ thần hổ ở điện thờ Mẫu tư gia hay đền, phủ thờ Mẫu của cộng đồng. Tuy nhiên, với ban thờ thần hổ tại nhà pháp sư, thầy phù thủy, trên ban công đồng chủ yếu an vị tượng/bát hương thờ Phật Bà Quan Âm, Ngọc Hoàng thượng đế, Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh) và tam vị tổ sư bùa chú (Thái Thượng Lão Quân, Trần Hưng Đạo, Độc Cước) và bên dưới *hạ ban* thờ thần hổ [Vũ Hồng Thuật, 2013b:90]. Ban thờ thần hổ ở đây có thể được hoán đổi một trong bốn vị trí của thần hổ tương ứng với bốn phương hướng Đông - Tây - Nam - Bắc như đã trình bày ở trên. Vì sao lại có hiện tượng như vậy? Nhiều pháp sư, thầy phù thủy nói với tôi rằng, những người thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú thường không nói năm sinh thật của mình cho những người ngoài biết. Bởi vì, những người trong nghề làm pháp sư, thầy phù thủy thường lưu truyền nhau lời nói của sư tổ là không được cho ai biết là mình sinh năm nào, nuôi bao nhiêu âm binh là để phòng ngừa những chuyện “đổi kỳ” của những người trong nghề với nhau. Ví dụ, pháp sư A có nhiều âm binh, thiên binh, thiên tướng hơn pháp sư B, nếu xảy ra “mâu thuẫn”, họ sẽ thực hiện nghi lễ “luyện sai thần hổ” mang quân âm binh, âm tướng, thiên tướng trong điện thờ của mình đi “đánh” pháp sư B bằng tâm linh. Bởi những người thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú, người ta chỉ nhìn vào cách bài trí ban thờ thần hổ, pháp khí, đồ lễ cúng thì sẽ biết được người ấy sinh năm nào, nuôi bao nhiêu âm binh, phép thuật

giỏi hay không giỏi... [xem Vũ Hồng Thuật, 2008, 2013b]. Trên thực tế, tác giả bài viết đã kiểm chứng, tôi đến phòng vấn pháp sư Vũ Văn Quý (xã Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh), pháp sư Vũ Đoàn Tấu (xã Bắc Sơn, An Dương, Hải Phòng), pháp sư Lê Văn Lợi (xã Xuân Giang, Thọ Xuân, Thanh Hóa), Pháp sư Trần Văn Tuấn (phố Hàng Đồng, Nam Định)... muốn vào xem điện thờ và hạ ban thờ thần hổ nhưng họ đều không cho xem, mặc dù mối quan hệ của tôi với họ rất thân thiện.

Thông thường, các pháp sư, phù thủy sinh vào các năm: Tý, Mão, Ngọ, Dậu thì sẽ được phép nuôi thêm một số âm binh từ những âm hồn của người chết trẻ hay các âm binh tại các điện thờ của pháp sư, thầy phù thủy sau khi họ thực hiện nghi lễ giải thiêng điện thờ cho đồng đạo của mình. Nguyên tắc đầu tiên trong thực hành nghi lễ tại điện thờ của pháp sư, thầy phù thủy là người ngoài không được tự tiện xem ban thờ thần hổ. Thủ nhang - đồng đền Cốc Lâm (Bắc Giang) chia sẻ: Trước và sau khi vẽ/làm các đạo bùa liên quan đến trấn yểm phương hướng ở nhà, cửa hàng, lăng tẩm, đình, chùa, mồ mả hay cho người bị thể giới siêu nhiên nhập vào người... đều phải thực hiện nghi lễ cúng “luyện sai thần hổ” để điều khiển âm binh, âm tướng đi thực hiện công việc mà người làm bùa mong muốn (Pvs, nam, thầy cúng Nguyễn Văn Q, sinh 1972, đền Cốc Lâm, Đình Trì, Lạng Giang, Bắc Giang, ngày 25/8/2005). Trong quá trình nghiên cứu điền dã, nhiều pháp sư, thầy phù thủy ở Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Thái Bình, Thanh Hóa đều nhắc nhở với tôi rằng, không nên nghiên cứu sâu về thực hành nghi lễ và ma thuật trong “hạ ban” thờ thần hổ. Đại pháp sư Vũ (Hải Phòng) nhấn mạnh: Người làm nghiên cứu đơn thuần chưa làm lễ “nhập đạo” (làm nghề thầy cúng, pháp sư, phù thủy) và lễ “cấp sắc” (thánh thần cho phép được nuôi, điều khiển âm binh) nên đừng “nhòm ngó” đến ban thờ thần hổ của các điện thờ ở nhà pháp sư sẽ nguy hại đến bản thân, bởi thần hổ có những quyền lực nhất định” (Pvs, nam, Đại pháp sư Vũ Q, sinh 1938, Hải Phòng, 12/10/2010). Những lời chia sẻ của các pháp sư về thần hổ như đã nhắc nhở tôi cần phải có giới hạn trong nghiên cứu tôn giáo, bởi có nhiều điều “bí mật” không thể lộ “thiên cơ” cho người ngoại đạo biết. Chúng tôi nghĩ rằng, trong trường hợp này, sự nhạy cảm về tôn giáo, tín ngưỡng, nghề

nghiệp của người cung cấp thông tin còn quan trọng hơn cả niềm khát khao khoa học của nhà nghiên cứu khi biết mọi thứ (Vũ Hồng Thuật, 2008: 230). Điều này, cũng đồng thuận với nhà nhân học Anita He đã chỉ giáo “tính tò mò của nhà nhân học cũng phải có giới hạn [Anita, 1994: 2-5].

Thứ ba, trong ban thờ hỏ của điện thờ nhà pháp sư, thầy phù thủy còn có pháp khí liên quan đến việc nuôi và điều khiển âm binh, âm tướng, thiên tướng, thần hỏ đi làm một việc nào đó mà pháp sư yêu cầu để mang lại mục đích của người chủ điện mà người ngoại đạo không thể biết được. Nhờ có mối quan hệ thân thiện với nhiều pháp sư người Việt và qua phương pháp nghiên cứu “chân trong, chân ngoài” từ 1994 đến nay mà tôi đã biết được những “góc tối” của thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú qua ban thờ thần hỏ. Tại đây có một số pháp khí (chuông, mõ, kiếm, lệnh bài, dao, kéo, nôi gôm để dưới ban thờ hỏ. Theo quy định của Đạo giáo, các pháp khí phải để trên ban công đồng thờ các vị thánh sư, tổ sư hay cho vào túi treo trên cao để tránh chó, mèo, chuột chạy qua hay người khác đụng phải. Thầy phù thủy Quyền cho biết: “Các pháp khí này đối với chúng tôi nó được xem là pháp bảo và cũng là công cụ “vũ khí” đặc lực trong việc thực hành nghi lễ, “ma thuật trắng” và “ma thuật đen”” (Pvs nam, 54 tuổi, pháp sư- phù thủy, Linh Quang Bảo Điện, 372b/hẻm 184, đường Bùi Văn Hòa, phường Long Bình Tây, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ngày 22/10/2018). Điều này cũng đồng quan điểm, các pháp khí có những đặc tính phép thuật giống hệt như những liệu pháp của phù thủy, khác với những tính chất mà chúng sở hữu một cách tự nhiên [Paul Giran, 2020:10]. Chúng tôi cho rằng, “ma thuật trắng” mang tính lành, được xã hội thừa nhận. Trái lại, “ma thuật đen” mang tính dữ, triệt hại đối phương, giết hại lẫn nhau bằng tâm linh nên bị xã hội lên án, do đó còn ít người làm. Để phòng ngừa các việc “đổi kỳ” giữa những người thực hành nghi lễ và ma thuật với nhau, người thầy/sư tổ chỉ dạy cho mỗi đệ tử của mình biết từ một đến hai các phép thuật liên quan đến sử dụng các pháp khí nêu trên vào việc làm “ma thuật trắng”; tuyệt đối người thầy không dạy cho đệ tử các phép làm “ma thuật đen”. Nếu ai dạy hay làm “ma thuật đen” sẽ bị nghiệp quả báo rất nặng nên ngày nay ít còn pháp sư, thầy

phù thủy làm “ma thuật đen” như trước đây. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một vài pháp sư người Việt vẫn làm. Hơn nữa, ma thuật với những thực hành nghi lễ mang tính bí truyền nhưng đã hòa trộn vào trong những hành vi tôn giáo, tín ngưỡng. Điều này cũng đồng quan điểm, đạo Phật gần gũi với đạo Lão trên một nền tảng tín ngưỡng hồn linh giáo [Đỗ Trinh Huệ, 2006:104]. Với pháp sư, thầy phù thủy, thầy đồng mà lập điện thờ đều có mời sư tổ làm lễ cấp sắc điện thờ, lập đàn trần thiên thông trời - đất, thánh thần - ma quỷ, âm binh âm tướng cùng với ngũ hổ,... Bởi vậy, khi điện thờ của họ không có người kế tục thì phải thực hiện nghi lễ “giải thiêng” tượng, bát hương, đồ thờ và tẩy uế điện thờ. Vì một lý do nào đó mà điện thờ không được giải thiêng thì âm binh, âm tướng, thần hổ không được cúng lễ tử tế dẫn đến tức giận, phá phách không chỉ gia đình họ gặp nhiều hệ lụy mà còn cả cộng đồng, làng xã cũng bị ảnh hưởng.

3. Hổ sử dụng trong trang trí nghệ thuật kiến trúc, bùa chú, ma thuật

Dưới góc nhìn Nhân học, hổ vừa là một loài thú dữ với cả đồng loại và con người, vừa là linh vật, linh thần. Từ quan niệm như vậy, từ thời xa xưa, người Việt đã sử dụng hổ với nhiều mục đích khác nhau. Trong tâm thức dân gian, hổ là loại vật mang tính biểu tượng cho sức mạnh của loài thú dữ, được người Việt tôn xưng “chúa tể sơn lâm”. Hổ được linh thiêng hóa và trở thành biểu trưng cho quyền uy và sức mạnh của tâm linh nên được trang trí, thờ cúng ở nhiều không gian khác nhau. Từ các hiện vật Khảo cổ học trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam (năm 2022), hình tượng hổ đã xuất hiện trong đời sống văn hóa của người Việt từ rất xa xưa, với các hình chạm khắc trên đá ở di tích hang Xóm Trại, văn hóa Hòa Bình khoảng 7000-8000 năm trước. Bên cạnh đó, hổ cũng được sùng bái, trở thành vật tổ của nhiều bộ tộc từ thời tiền sử với quan niệm kính sợ, tôn thờ sức mạnh và sự uy linh của nó; hổ đã xuất hiện trên đồ đồng thuộc văn hóa Đông Sơn của người Việt cổ, đó là hình hổ kết hợp với hình rắn, voi, trên cán dao găm ở di chỉ Làng Vạc (Nghệ An); hình hổ thể hiện dưới dạng khối tượng tròn trang trí trên nóc tháp đồng Vạn Thắng (Phú Thọ), cách ngày nay 2000- 2500 năm [Nguyễn Văn Đoàn, 2022: 4].

Trong diễn trình lịch sử, hồ đã ăn sâu vào trong tiềm thức văn hóa của các dân tộc Việt Nam, nhất là người Việt. Hồ với nhiều biến thể đa dạng, phong phú trên các loại hình và chất liệu khác nhau (đồng, gạch, ngọc, gỗ, giấy, vải, trang trí trên đồ gốm sứ), từ tượng thờ, linh vật trang trí, đến tranh dân gian; tất cả phản ánh sự sinh động, mang nhiều ý nghĩa, gắn với đời sống tâm linh, tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam đang trưng bày hiện vật gạch đất nung (vật liệu kiến trúc, thờ Mạc, thế kỷ XVI có hình hoàng hồ; tượng hồ trên gốm men rạn thời Cảnh Hưng (1740-1786)); bức chạm hồ, chất liệu gỗ, trang trí kiến trúc đình làng, thế kỷ XVII,... trông rất đẹp mắt. Điều này cho thấy, tín ngưỡng thờ hồ và hình tượng hồ luôn được các bậc tiền nhân của người Việt bảo lưu, kế tục, kiến tạo, trao truyền nhằm lan tỏa các giá trị văn hóa của hồ tới hậu thế trên các không gian văn hóa khác nhau. Điểm nổi bật của tín ngưỡng thờ hồ là linh thú trấn giữ ở phía ngoài tam quan các đền, miếu, chùa; đứng bên trục thần đạo trong lăng mộ; thờ trong đình, miếu với tư cách là vị Thành hoàng làng bảo hộ cho cộng đồng và trong đền phủ thờ Mẫu, hồ có ban thờ riêng, các màu sắc của “ông hồ” tượng trưng cho ngũ hành gắn với chức năng trấn giữ các phương hướng. Bên cạnh ý nghĩa này, ta còn bắt gặp tranh ngũ hồ của trong dòng tranh Hàng Trống trong tín ngưỡng thờ Mẫu đã trở thành một bộ phận văn hóa tín ngưỡng dân gian của người Việt. Ngoài ra, hồ còn được thêu thành tranh treo ở phòng khách hay chạm khắc trên đồ thờ (án gian), sau lưng tượng thờ quan văn - quan võ bằng đá xanh (đền Quan, xã Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội). Tại làng Hạ Thái (Thường Tín, Hà Nội) có đền thờ thần hồ và trong ngày hội làng đã tái hiện lại cảnh nhóm thợ săn đi săn hồ dữ và hồ đã quy phục con người, trở thành thần bảo hộ cho làng. Nhiều giá hầu đồng “khép đàn” lễ (giá hầu cuối), “ông hồ” bỗng dung “nhập xác” vào thầy đồng hay vào một người nào đó đi lễ mà “căn mệnh” của họ hợp với cung mệnh của “ông hồ” để thực hiện các nghi lễ mang tính “nhập đồng”. Điều này cũng đồng quan điểm, “hồ là vật tổ còn có huyền thoại về vật tổ, vật linh và các tập tục kiêng kỵ gắn với dòng họ của nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta và thể hiện một số nghi lễ, hình ảnh liên quan đến hồ cũng được tái hiện [Ngô Đức Thịnh, 2001: 22].

Đặc biệt, hổ được các pháp sư, thầy phù thủy sử dụng đắc lực trong thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú, tạo nên một môn phái thực hành nghi lễ mang tính khu biệt của thầy phù thủy theo dòng sơn môn sơn lâm mà các thầy đồng, thầy cúng, nhà sư không có “căn mệnh” để tu tập theo môn phái này. Hầu hết các pháp sư, thầy phù thủy thực hành nghi lễ, ma thuật, bùa chú thường tôn thờ hổ làm vật tổ, vì đây là vật cưỡi của Trương Đạo Lăng, là tổ sư của Đạo giáo Trung Hoa. Hơn nữa, những người thực hành nghi lễ thờ hổ thường kiêng không gọi tên hổ mà gọi là “Quan Giám sát”, “Quan Ngũ dinh”, “Ngài”, “Khái”, “Sơn quân chi thần”,... và không ăn, uống rượu chế biến từ hổ. Trong Đạo giáo ở nước ta có *phái phù lục* thường in/vẽ hình hổ trên chất liệu giấy, vải để làm bùa *trấn trạch*, với quan niệm thần hổ sẽ trấn giữ các ma quỷ, điềm xấu không vào trong ngôi nhà, cuộc sống gia đình được an yên. Với những bùa có hình hổ thường được các pháp sư, thầy phù thủy vẽ với các đường nét ngoằn ngoèo, bí hiểm, cùng với các ký tự mang tính biểu tượng hay câu niệm chú, mật chú viết các chữ Hán, chữ phạn lên thân hổ để tạo nên tính thiêng của bùa. Tại chùa Trăm Gian (Hải Dương) còn lưu giữ ván in mộc bản có hình hoàng hổ ngồi phủ phục, toàn thân ghi *chữ phạn* của bài tụng “Đại bi thập chú” và phía trên đầu hổ là tượng Phật Bà Quan Âm đứng trên núi đá. Điều này cho thấy, hổ không chỉ được thờ trong tín ngưỡng dân gian mà còn trong cả văn hóa Phật giáo, Đạo giáo. Có thể nói rằng, hổ giữ một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của người Việt trước đây cũng như bây giờ, không chỉ thể hiện trong không gian thiêng của cộng đồng, mà còn cả trong điện thờ tư nhân của người thực hành tôn giáo, tín ngưỡng và hình tượng của họ được thể hiện bằng nhiều chất liệu, hình dáng và chức năng sử dụng khác nhau.

Kết luận

Tín ngưỡng thờ thần hổ của người Việt vừa mang dấu vết của tô tem là tôn sùng loài động vật lớn, hung dữ, vừa thờ linh thần mang tính nghi lễ, ma thuật, bùa chú. Phụ thuộc vào môi trường sinh thái tự nhiên và lịch sử phát triển tộc người mà tục thờ hổ của các dân tộc ở nước ta có các mức độ đậm nhạt khác nhau. Với người Việt ở đồng

bằng châu thổ Bắc Bộ, hình tượng hổ không chỉ được thờ bên trong và bên ngoài không gian di tích, mà hổ còn trở thành vật linh trang trí kiến trúc, tranh thờ, tranh nghệ thuật... Ở vùng Trung Bộ, hổ được thờ trên các tấm bình phong trước sân đình, đền miếu và lăng mộ tương đối phổ biến. Đặc biệt, khu vực Nam Bộ, người Việt vào khai phá mới vài trăm năm nhưng tín ngưỡng thờ hổ ở đây rất đặc sắc, đó là hổ đã nâng lên vị trí là vị thần giám hộ, thành hoàng bản xứ. Có thể nhận diện, hổ từ đời sống thực ở nơi hoang dã đã được nhân loại nhân cách hóa thành vật tổ, vật linh, linh vật và sau dần trở thành tín ngưỡng gắn với nghi lễ, ma thuật, bùa chú của các pháp sư, thầy phù thủy phục vụ nhu cầu đời sống tâm linh của con người trước đây cũng như bây giờ, tạo nên một hiện tượng “hổ dung” tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Sách cúng “Luyện sai thân hổ”, khuyết danh, lưu hành nội bộ của pháp sư, thầy cúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anita (1994), “Museum and shaman: a cross – cultural collaboration” *Anthropologi Today*, Vol 10, No1, February 1994, pp. 2-5. (Bảo tàng và thầy cúng: sự hợp tác xuyên văn hóa” (Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam dịch).
2. Đặng Mai Anh (2022), *Nghệ thuật trang trí bình phong ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Phương Châm (cb) (2021), *Đa dạng văn hóa trong đời sống xã hội đương đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Đoàn (2022), *Hổ trong mỹ thuật cổ Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Sigmund Freud (2006), “Vạn vật hữu linh, ma thuật và quyền năng tối thượng của tư duy”, trong *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
6. Paul Giran (2020), *Phù thuật và tín ngưỡng An Nam (nhập môn Triết học văn minh của người An Nam)*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội.
7. Đỗ Trinh Huệ (biên khảo) (2006), *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan của học giả L. CADIÈRE*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
8. Minh Hiệp (2022), “Năm Dân nói chuyện con hổ trong văn hóa dân gian”, Trang tin Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, nguồn: <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/nam-dan-noi-chuyen-con-ho-trong-van-hoa-dan-gian-1491890476>, đăng tải ngày 1/2/2022, truy cập ngày 12/9/2023.

9. Nguyễn Thanh Lợi (2010), “Cọp trong văn hóa dân gian Đông Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (78), tr.3-16.
10. Nguyễn Thị Thanh Mai - Phùng Vương Khánh Yên (2012), “Bước đầu tìm hiểu về việc phụng thờ thần hổ trong điện thờ đạo Mẫu Việt Nam”(qua khảo sát một số điện thờ Mẫu ở miền Bắc Việt Nam), nguồn: <http://huc.dspace.vn/handle/DHVH/6104?mode=full> , đăng tải ngày 5/10/2020, truy cập 22/9/2023.
11. Bronislaw Malinowski (2006), “Ma thuật, khoa học và tôn giáo”, trong: *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
12. Nguyễn Phương Thảo (1998), “Truyện dân gian Nam Bộ về cọp”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 1 (47B), tr. 43-44.
13. Nguyễn Ngọc Thơ (2020), *Nghi lễ và biểu tượng trong nghi lễ*, Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
14. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Vũ Hồng Thuật (1998), “Sự tích thờ thần hổ của người Việt”, *Nguyệt san Văn nghệ Dân tộc & Miền núi*, số 2 (30), tr.21-22.
16. Vũ Hồng Thuật (2008), “Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trấn trạch”, trong: *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay* (Nhiều tác giả), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
17. Vũ Hồng Thuật (2011), “Bước đầu tìm hiểu các loại hình bùa chú của người Việt”, trong: *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập VII, Nxb. Khoa học xã hội.
18. Vũ Hồng Thuật (2013a), “Ván in áo lục thù ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam”, *Tạp chí Bảo tàng & Nhân học*, số 4, tr.83-86.
19. Vũ Hồng Thuật (2013b), *Nghiên cứu so sánh văn hóa bùa chú của người Việt ở Việt Nam và người Kinh ở Trung Quốc*, luận án tiến sĩ chuyên ngành nhân học, Trường Đại học Văn Nam, tỉnh Văn Nam, Trung Quốc, Thư viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

Abstract**BELIEFS OF TIGER WORSHIP OF VIETNAMESE PEOPLE
AT PRESENT****Vu Hong Thuat***Vietnam Museum of Ethnology, Vass***Tran Chieu Phung***Hanoi University of Culture*

According to many sources, the tiger worship of ethnic groups in the world in general and in Vietnam in particular based on the foundation of Totem beliefs. This article discusses the views and forms of tiger worship by Vietnamese people through the space of the Mother Goddess Worship relic and the shrine in the house of the shaman and sorcerer. Tiger worship is a form of cultural assimilation of the Chinh Nhat Dao sect of Taoism after being introduced into Vietnam, and the Vietnamese people have transformed it from animal worship (totem) into the folk belief of tiger worship associated with sacred space, practicing rituals, magic, and spells; at the same time, the tiger was both a symbol of strength and authority with spiritual and cultural elements. Therefore, the worship of tigers as a god has been maintained in the practice of rituals, magic, and spells.

Keywords: Beliefs, tiger worship, rituals, magic, Vietnamese people.